

Số: 22 /BC-THKD

Dương Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Công khai trong hoạt động giáo dục của nhà trường cuối năm học 2025 - 2026

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ GD&ĐT về việc triển khai thực hiện công tác công khai trong trường học;

Căn cứ Công văn số 4555/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 2269/QĐ-BGDĐT ngày 11/8/2025 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 4400/QĐ-UBND, ngày 26/8/2025 về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Công văn số 3526/SGDDĐT-GDTH, ngày 04/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 597/UBND-VHXXH, ngày 19/9/2025 của UBND phường Dương Nội về việc xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026;

Căn cứ Kế hoạch số 357/KH-THKD ngày 30 tháng 8 năm 2025 của trường Tiểu học Kim Đồng về kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025 - 2026 và xét tình hình thực tế của nhà trường.

Trường Tiểu học Kim Đồng thực hiện công tác công khai cuối năm học 2025-2026 như sau:

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục:

1. Tên cơ sở giáo dục:

Trường Tiểu học Kim Đồng – Phường Dương Nội - Thành phố Hà Nội.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở

giáo dục (sau đây gọi chung là công thông tin điện tử):

Địa chỉ: Tổ dân phố Trung Kiên, phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 6656 6839

Thư điện tử: c1kimdong-hadong@hanoiedu.vn

Trang web: <http://c1kimdong.phuongduongnoi.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp:

Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND phường Dương Nội - Thành Phố Hà Nội

4. Sứ mệnh

- Tạo dựng môi trường giáo dục thân thiện, sáng tạo, năng động để mỗi học sinh được bồi dưỡng thường xuyên các kỹ năng của một công dân toàn cầu: kỹ năng mềm, kỹ năng sống còn, kỹ năng học tập tự học và sáng tạo... để học sinh thấy hạnh phúc khi đến trường, phát triển tối đa khả năng của bản thân đáp ứng yêu cầu đổi mới của đất nước.

- Cung cấp nền tảng kiến thức vững chắc, toàn diện cho học sinh bằng nhiều phương pháp giáo dục hiện đại, giúp các em tiếp cận tri thức, tinh hoa của nhân loại một cách nhẹ nhàng và tự nhiên nhất.

** Tầm nhìn*

- Phấn đấu xây dựng trường thành trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương, nơi đào tạo những công dân toàn cầu có nền tảng đạo đức chuẩn mực, trí tuệ sáng suốt, có nghị lực, đam mê để sống hạnh phúc và thành công.

- Là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, nơi giáo viên và học sinh luôn năng động, sáng tạo và vươn tới thành công.

** Giá trị cốt lõi*

- Đoàn kết: Học sinh biết yêu thương bản thân, gia đình, thầy cô, bạn bè và cộng đồng, biết tôn trọng bản thân mình và những người xung quanh, tôn trọng nội quy nề nếp của nhà trường, tôn trọng người lớn ... thông qua hành vi lễ phép chào hỏi, lắng nghe tích cực. Môi trường học tập hiệu quả nhất phải là môi trường mà tất cả học sinh, giáo viên và nhân viên nhà trường cảm thấy hạnh phúc khi được sống, học tập và làm việc cùng nhau.

- Hợp tác: Xây dựng mối quan hệ hợp tác giữa giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh, cùng hướng về một mục tiêu chung trên hành trình “Tất cả vì học sinh thân yêu”.

- Sáng tạo: Xây dựng môi trường học tập sáng tạo thông qua việc áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

*** Mục tiêu:**

*** Về Chất lượng giáo dục :**

1. Đánh giá kết quả học tập các môn học đối với lớp 1,2,3,4,5 (theo TT27/2020/TT-BGDĐT):

TT	Môn học	TS HS được đánh giá	Hoàn thành Tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Tiếng Việt	1027	743	72.3	284	27.7	0	0
2	Toán	1027	751	73.1	276	26.9	0	0
3	Đạo đức	1027	834	81.2	193	18.8	0	0
4	Tự nhiên và Xã hội	640	521	81.4	119	18.6	0	0
5	Âm nhạc	1027	362	35.2	665	64.8	0	0
6	Mĩ thuật	1027	347	33.8	680	66.2	0	0
7	Thể dục	1027	356	34.7	671	65.3	0	0
8	Hoạt động trải nghiệm	1027	801	78.0	226	22.0	0	0
9	Lịch sử và Địa lý (lớp 4,5)	387	272	70.3	115	29.7	0	0
10	Khoa học (lớp 4,5)	387	265	68.5	122	31.5	0	0
11	Tin học(lớp 3, 4,5)	610	254	41.6	356	58.4	0	0
12	Công Nghệ (lớp 3,4,5)	610	462	75.7	148	24.3	0	0
13	Tiếng Anh (lớp 3,4,5)	610	256	42.0	354	58.0	0	0

2. Đánh giá về phẩm chất năng lực đối với lớp 1,2,3,4,5

a. Những phẩm chất chủ yếu

Nội dung phẩm chất	TS HS được đánh giá	Xếp loại					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Yêu nước	1027	980	95.4	47	4.6	0	0
Nhân ái	1027	972	94.6	55	5.4	0	0

Chăm chỉ	1027	796	77.5	241	22.5	0	0
Trung thực	1027	845	82.3	182	17.7	0	0
Trách nhiệm	1027	796	77.5	231	22.5	0	0

b. Những năng lực chủ yếu:

* Những năng lực chung

Nội dung	TS HS được đánh giá	Xếp loại					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Tự chủ và tự học	1027	807	78.6	219	21.4	0	0
Giao tiếp và hợp tác	1027	811	79.0	216	21.0	0	0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	1027	216	21.0	767	79.0	0	0

* Những năng lực đặc thù:

Nội dung	TS HS được đánh giá	Xếp loại					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Ngôn ngữ	1027	775	75.5	251	24.5	0	0
Tính toán	1027	782	76.1	244	23.0	0	0
Khoa học	1027	785	76.4	242	23.6	0	0
Thẩm mỹ	1027	761	74.1	266	25.9	0	0
Thể chất	1027	777	75.7	250	24.3	0	0
Công nghệ	610	449	73.6	161	26.4	0	0
Tin học	610	422	69.2	188	30.8	0	0

3. Tổng hợp kết quả đánh giá chất lượng giáo dục đối với lớp 1,2,3,4,5

TS số Học sinh	TS Học sinh được đánh giá	Hoàn thành xuất sắc		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1027	1027	281	27.4	54	5.3	692	67.3	0	0

4. Khen thưởng học sinh cuối năm học:

*** Lớp 1,2,3,4,5**

Khối lớp	TS số Học sinh	Danh hiệu học sinh xuất sắc		Danh hiệu học sinh tiêu biểu	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Khối 1	210	59	28.1	5	2.4
Khối 2	207	58	28.0	5	2.4
Khối 3	223	59	26.5	16	7.2
Khối 4	184	51	27.7	10	5.4
Khối 5	203	54	26.6	18	8.9

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Tiểu học Kim Đồng thuộc địa bàn Tổ dân phố Trung Kiên, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội.

Xã Dương Nội trước đây, nay là phường Dương Nội đã có trên 2000 năm lịch sử. Bao đời cư tụ ở trung tâm vùng châu thổ Bắc Bộ, sát kinh đô Thăng Long, các thế hệ người Dương Nội cần cù lao động, tạo ra cơ sở kinh tế chính là nền nông nghiệp và nghề dệt the lụa với những sản phẩm nổi tiếng cả nước, đã được ghi vào sử sách và ca dao. Dương Nội cũng là đất khoa bảng, nằm trong Tứ danh hương với 7 Tiến sĩ, 43 Hương cống từ đầu thế kỷ XVIII về trước và hiện nay đã có 19 Tiến sĩ, trong đó có 02 Phó giáo sư. Trong những năm gần đây phường Dương Nội có tốc độ đô thị hoá nhanh, đã hình thành các khu đô thị mới như khu đô thị Lê Trọng Tấn, khu đô thị Dương Nội, khu đô thị An Hưng, nhiều dự án bệnh viện, trường học, tương lai phường sẽ phát triển nghề tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ cho thu nhập cao.

Trường Tiểu học Kim Đồng (tách ra từ trường Tiểu học Dương Nội B) được thành lập từ tháng 11 năm 2011 với tên gọi là trường Tiểu học Kim Đồng, học sinh học ở đây cơ bản là con em thuộc địa Thôn Ý La cũ, với các Tổ dân phố Quyết Tâm; Vinh Quang; Trung Kiên; Đoàn kết; Thắng Lợi; LK 27,28,29,30,31.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Họ và tên: Đinh Thị Thảo – Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Tổ dân phố Trung Kiên, phường Dương Nội, TP Hà Nội.
- Số điện thoại: 0941.468.768.

- Địa chỉ thư điện tử: dinhthithao-clkimdong@pgdhadong.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a, Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có):

- Quyết định số 11495/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân (UBND) quận Hà Đông về việc thành lập trường Tiểu học Kim Đồng.

- Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân (UBND) phường Dương Nội về việc tổ chức lại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc UBND phường Dương Nội.

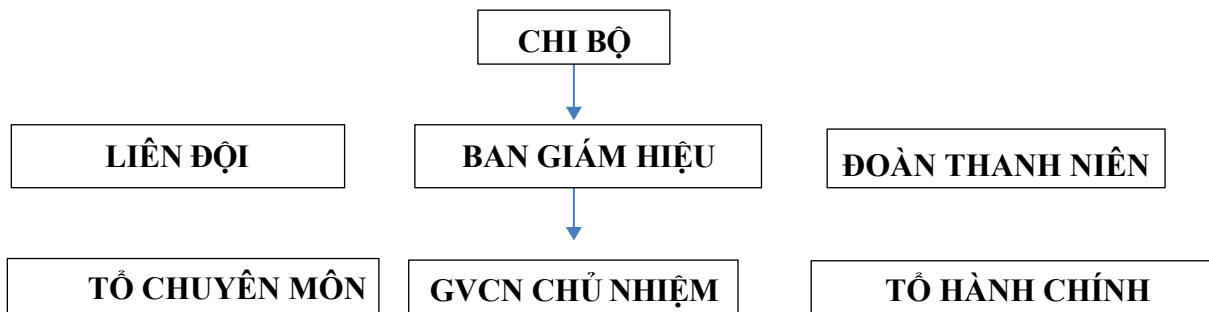
b, Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Quyết định số 5330/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 về việc chuyển viên chức quản lý giáo dục và bổ nhiệm đồng chí Đinh Thị Thảo giữ chức vụ hiệu trưởng trường Tiểu học Kim Đồng.

- Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 05/08/2025 của Ủy ban nhân dân phường Dương Nội về việc bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học Kim Đồng

c, Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục: Thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường:



8. Các văn bản khác của trường:

- Kế hoạch, chiến lược phát triển của trường;
- Quy chế dân chủ ở cơ sở của trường;
- Quy chế làm việc của trường;
- Quy chế chi tiêu nội bộ.

II. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên, Cán bộ quản lý:

1. CBQL: 01 đ/c ; Giáo viên: 35; Nhân viên: 04.

2. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

* Cán bộ quản lý:

TT	Chức vụ	Số lượng		Đăng viên	Trình độ				Số với nhu cầu	
		T.số	Nữ		> ĐH	ĐH	CĐ	Khác	Thừa	Thiếu
1	Hiệu trưởng	01	01	01	01				0	0
2	Phó hiệu trưởng	0	0	0					0	01
Tổng số		01	01	01	01				0	01

* Tình hình cán bộ, giáo viên, nhân viên:

	Tổng số		Biên chế hợp đồng		T.độ lý luận CT	Đăng viên	Trình độ đào tạo				Cân đối	
	TS	Nữ	B/chế	H/đồng			Thạc sỹ	ĐH	CĐ	TC	Thừa	Thiếu
Quản lý	1	1	1		TC: 01	1	1					1
GV V.hóa	27	27	22	4	TC: 01	7		27				
GV C/biệt	8	7	5	3		3		8				
<i>Â.nhạc</i>	2	2	1	1		2	1	1				
<i>M.thuật</i>	1	1	1					1				
<i>Thể dục</i>	2	1		1				2				
<i>T.Anh</i>	2	2	2	1				2				
<i>Tin học</i>	1	1	1			1		1				
TPT đội												1
Nhân viên	4	4	3	1		4		4				
<i>Kế toán</i>	1	1	1			1		1				
<i>Văn thư</i>	1	1		HĐ 111		1		1				
<i>Thư viện</i>												
<i>TBị</i>	1	1	1			1		1				

	Tổng số		Biên chế hợp đồng		T.độ lý luận CT	Đăng viên	Trình độ đào tạo				Cân đối	
	TS	Nữ	B/chế	H/đồng			Thạc sỹ	ĐH	CĐ	TC	Thừa	Thiếu
<i>Y tế</i>	1	1	1			1		1				
<i>Thủ quỹ</i>												
Tổng số	40	39	34	6	TC: 02	15	2	38				02

a) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

- Cán bộ quản lý 01, đạt chuẩn 100%; Giáo viên 35, đạt chuẩn 100%

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

- Cán bộ quản lý 01, bồi dưỡng đạt 100%;

- Giáo viên 35, bồi dưỡng đạt 100%.

III. Cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

- Trường đã được công nhận đạt danh hiệu trường chuẩn Quốc gia mức độ I năm 2012 và đã được công nhận lại năm 2020. Năm 2023 trường được Đoàn đánh giá ngoài của Sở giáo dục công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 (QĐ số 2935/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2023) và công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ I (QĐ số 73/QĐ-SGDĐT ngày 11/1/2024).

+ Diện tích toàn trường: 4.202.8 m²

+ Nhà cửa: Gồm 01 dãy nhà 03 tầng và 02 dãy nhà 4 tầng, khu Hiệu bộ, 01 nhà để xe giáo viên. Cụ thể:

* Phòng học:

Tổng số	Trong tổng số			Hiện trạng, chất lượng sử dụng
	Số phòng sử dụng trước năm 2006	Số phòng xây mới đưa vào sử dụng năm 2009	Số phòng cấp 4	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
30	0	30	0	- Đầy đủ bàn ghế, bảng, tủ, ti vi, máy chiếu ... - Hệ thống chiếu sáng theo đúng tiêu chuẩn, hệ thống điều hòa, quạt mát...

				- Diện tích phòng học đảm bảo theo đúng quy định. Đảm bảo ánh sáng tự nhiên.
--	--	--	--	--

*** Phòng chức năng:**

TT	Tên phòng	SL	Diện tích	Hiện trạng, chất lượng sử dụng
1	Đoàn Đội	01	40 m ²	Đủ trang bị nội thất, có trang trí.
2	Thư viện	02	103.7 m ²	Đủ bàn ghế, tủ, giá; 02 máy tính nối mạng.
3	TB dạy học	01	51.84 m ²	Đủ các thiết bị ĐDDH, kệ , giá, ...
4	Hội đồng	01	51.84 m ²	Đủ bàn ghế, thiết bị
5	Y tế	01	20 m ²	Đủ bàn ghế, thiết bị, tủ thuốc
6	Hiệu trưởng	01	20 m ²	Đủ bàn ghế, thiết bị.
7	P.Hiệu trưởng	01	20 m ²	Đủ bàn ghế, thiết bị.
8	Truyền thống	01	51.84 m ²	Đủ bàn ghế, thiết bị
9	Giáo viên	02	103.7 m ²	Đủ bàn ghế, thiết bị

*** Các công trình phụ trợ:**

TT	Tên phòng	SL	Diện tích	Hiện trạng, chất lượng sử dụng
1	Nhà đa năng	1	434 m ²	Được trang bị đủ
2	Nhà bếp	1	135 m ²	Đủ trang thiết bị
3	Nhà bảo vệ	1	17.6 m ²	Đủ bàn ghế, giường
4	Phòng vệ sinh	20	Đạt TB 20 m ² /phòng	Đủ gương, bồn rửa tay.
5	Hệ thống bể cấp nước sinh hoạt, bể PCCC, máy bơm cứu hỏa...	1	2 bể ngầm, 1 bể lọc, 2 bể chứa, 2 máy bơm nhà trạm bơm..	- Được trang bị mới theo đúng tiêu chuẩn.

*** Thống kê thiết bị dạy học hiện đại:**

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Số TB được mua, cấp từ nguồn				Ghi chú
			NS Trường	Phường cấp	PGD, UBND quận cấp	Nguồn Xã hội hóa	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Máy tính xách tay	3	3				
2	Máy tính để bàn	33	13		20		
3	Máy in	9	8		1		
4	Máy phôtô	1	1				
5	Máy chiếu đa năng	13	13				
6	Máy soi vật thể	23				23	
7	Bảng tương tác	1			1		
8	Bộ âm ly, loa đài	1					
9	Vô tuyến	20	5		15		
10	Đầu DVD	1					
11	Đài đĩa, catset	3					
12	Đàn Oóc	23					
13	Đàn Piano	0					

- Phòng học: 23

- Khối phòng phục vụ học tập: 8

- Khối phòng hành chính quản trị: 4

- Khu nhà bếp, bếp ăn: 01; nhà ăn: 0

*** Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:**

STT	Danh mục SGK cho mỗi môn học	Chủ biên	Tên bộ sách
1	Tiếng Việt 5	Bùi Mạnh Hùng Trần Thị Hiền Lương	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 5	Hà Huy Khoái Lê Anh Vinh	Kết nối tri thức với cuộc sống

STT	Danh mục SGK cho mỗi môn học	Chủ biên	Tên bộ sách
3	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan Trần Thành Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng Phan Thị Thanh Hà	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Lịch sử và Địa lý 5	Nguyễn Thị Thu Thủy Trần Thị Hà Giang	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy Nguyễn Thụy Anh	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng Đặng Văn Nghĩa	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Tin học 5	Lê Khắc Thành	Nhà xuất bản Đại học Vinh.
9	Âm nhạc 5	(Tổng chủ biên Đỗ Thị Minh Chính)	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Mỹ thuật 5 (bản 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận	Chân trời sáng tạo
11	Giáo dục thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (TCB), Đỗ Mạnh Hưng(CB)	Kết nối tri thức với cuộc sống

STT	Danh mục SGK cho mỗi môn học	Chủ biên	Tên bộ sách
12	Tiếng Anh 5 WONDERFUL WORLD	- Tác giả Nguyễn Vũ Quỳnh Như.	- Nhà xuất bản: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm

- Danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Danh mục: 36 đầu sách; Số lượng: 262 cuốn.

- Cả 5 khối 1,2,3,4,5 thực hiện Chương trình GD Phổ thông 2018 với bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống (Trừ môn Tiếng Anh, môn Mỹ thuật và môn Tin học)

IV. Kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

- Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

+ Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1					
Tiêu chí 1.1		X	X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X		
Tiêu chí 1.3		X	X	X	
Tiêu chí 1.4		X	X	X	
Tiêu chí 1.5		X	X		
Tiêu chí 1.6		X	X		
Tiêu chí 1.7		X	X		
Tiêu chí 1.8		X	X		
Tiêu chí 1.9		X	X		
Tiêu chí 1.10		X	X		
Tiêu chuẩn 2					
Tiêu chí 2.1		X	X	X	

Tiêu chí 2.2		X	X		
Tiêu chí 2.3		X	X	X	
Tiêu chí 2.4		X	X	X	
Tiêu chuẩn 3					
Tiêu chí 3.1		X	X	X	
Tiêu chí 3.2		X	X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X	
Tiêu chí 3.4		X	X		
Tiêu chí 3.5		X	X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X		
Tiêu chuẩn 4					
Tiêu chí 4.1		X	X	X	
Tiêu chí 4.2		X	X	X	
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1		X	X		
Tiêu chí 5.2		X	X	X	
Tiêu chí 5.3		X	X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	X	
Tiêu chí 5.6		X	X	X	

+ Đánh giá tiêu chí Mức 4: Không có

Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Cấp độ 2

Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian: Trường đạt KĐCLGD cấp độ 2 năm 2023 ; đạt chuẩn quốc gia các năm 2012, 2017, 2022; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

V. Kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên

quan:

1. Chỉ tiêu tuyển sinh: 226 học sinh (05 lớp 1) Hồ sơ tuyển sinh gồm:

- Đơn xin dự tuyển (theo mẫu do các Hội đồng tuyển sinh quy định);
- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;

2. Phương thức và đối tượng tuyển sinh

- Phương thức: Xét tuyển.
- Đối tượng tuyển sinh: Trẻ sinh năm 2019 sinh sống và cư trú trên địa bàn phường

Dương Nội thuộc tuyển tuyển sinh của nhà trường.

Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục số: 357/KH-THKĐ ngày 30/8/2025 của trường Tiểu học Kim Đồng đăng tải trên webiste: ckimdong.phuongduongnoi.edu.vn.

Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt tập thể cho học sinh ở cơ sở giáo dục: (Có kế hoạch riêng kèm theo)

TT	Nội dung	Thời gian	Phụ trách
1	Chào cờ hàng tuần	Thứ hai hàng tuần	Hiệu trưởng - TPT- GVCN lớp
2	Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam	Tháng 11	Ban giám hiệu
3	Chuyên đề các tuần	Theo KH hàng tuần	Ban phụ trách Đội
4	Ngày hội Thiếu nhi vui khỏe	Tháng 12	Ban phụ trách Đội, Đoàn Thanh niên
5	Kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 08/3	Tháng 3	
7	Chuyên đề phòng cháy, ATGT	Tháng 12	Ban phụ trách Đội, Đoàn Thanh niên
8	Trải nghiệm, hướng nghiệp	Tháng 11,12	BGH, Ban phụ trách Đội

Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Khối	Số lớp	TSHS	Nữ	HS học 2 buổi/ngày		HS ăn bán trú		Học sinh khuyết tật		Tỷ lệ H/S hoàn thành CT lớp học	Dự kiến Tỷ lệ H/S chưa hoàn thành CT lớp học
				Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Tổng số	Số HS có hồ sơ KT		
1	5	210	93	5	210	97	191	0	0	100	0
2	4	227	108	4	227	110	202	0	0	100	0
3	4	184	79	4	184	80	150	0	0	100	0
4	4	204	101	4	204	102	168	0	0	100	0
5	5	221	98	5	221	96	152	0	0	100	0
Tổng	22	1046	479	22	1046	479	863	0	0	100	0

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

3. Kết quả giáo dục :

- Đánh giá các môn học cuối học kì II đối với lớp 1,2,3,4,5 (theo TT27/2020/TT-BGDĐT)

3.1. Đánh giá kết quả học tập các môn học:

TT	Môn học	TS HS được đánh giá	Hoàn thành Tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Tiếng Việt	1028	750	73	278	27	0	0
2	Toán	1028	741	72.1	287	27.9	0	0
3	Đạo đức	1028	815	79.3	213	20.7	0	0
4	Tự nhiên và Xã hội	641	492	76.8	149	23.2	0	0
5	Nghệ thuật (Âm nhạc)	1028	420	40.9	608	59.1	0	0
6	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	1028	406	39.5	622	60.5	0	0
7	Giáo dục thể chất	1028	395	38.4	633	61.6	0	0

TT	Môn học	TS HS được đánh giá	Hoàn thành Tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
8	Hoạt động trải nghiệm	1028	792	77.0	236	23.0	0	0
9	Lịch sử và Địa lý (lớp 4,5)	387	317	81.9	70	18.1	0	0
10	Khoa học (lớp 4,5)	387	308	79.6	79	20.4	0	0
11	TH-CN (Công nghệ) (lớp 3,4,5)	610	487	79.8	123	20.2	0	0
12	TH-CN (Tin học) (lớp 3,4,5)	610	290	47.5	320	52.5	0	0
13	Ngoại ngữ (lớp 3,4,5)	610	290	47.5	320	52.5	0	0

3.2. Đánh giá về phẩm chất năng lực:

- Những phẩm chất chủ yếu:

Nội dung phẩm chất	TS HS được đánh giá	Xếp loại					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Yêu nước	1028	941	91.5	87	8.5	0	0
Nhân ái	1028	916	89.1	112	10.9	0	0
Chăm chỉ	1028	783	76.2	245	23.8	0	0
Trung thực	1028	871	84.7	157	15.3	0	0
Trách nhiệm	1028	810	78.8	218	21.2	0	0

- Những năng lực cốt lõi:

+ Những năng lực chung:

Nội dung phẩm chất	TS HS được đánh giá	Xếp loại					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%

Tự chủ và tự học	1028	806	78.4	222	21.6	0	0
Giao tiếp và hợp tác	1028	795	77.3	233	22.7	0	0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	1028	746	72.6	282	27.4	0	0

+ Những năng lực đặc thù:

Nội dung phẩm chất	TS HS được đánh giá	Xếp loại					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Ngôn ngữ	1028	775	75.4	253	24.6	0	0
Tính toán	1028	803	78.1	225	21.9	0	0
Khoa học	1028	798	77.6	230	22.4	0	0
Công nghệ	610	480	78.7	130	21.3	0	0
Tin học	610	456	74.8	154	25.2	0	0
Thẩm mỹ	1028	791	76.9	237	23.1	0	0
Thể chất	1028	822	80.0	206	20.0	0	0

- Tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục đối với lớp 1,2,3,4,5:

TS Học sinh	TS học sinh được đánh giá	Hoàn thành xuất sắc		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		Số	Tỷ lệ	Số	Tỷ lệ	Số	Tỷ lệ	Số	Tỷ lệ
		lượng	%	lượng	%	lượng	%	lượng	%
1028	1028	351	34.1	9	0.9	668	65.0	0	0

* **Khen thưởng: 888 em** (HSSX: 351 em; Tiêu biểu: 9 em; Thụ khen: 528 em).

VI . Kết quả tài chính

Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính hiện tại với năm trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

(Có Biểu Phụ lục số 01, 02 kèm theo)

VII. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác

1. Đối với giáo viên

- Kiểm tra toàn diện: 15 đ/c giáo viên đạt 100% số giáo viên theo kế hoạch. Trong đó xếp loại Tốt có 07 đồng chí, 08 đồng chí xếp loại Khá.

- Ban giám hiệu dự : 83 giờ. Trong đó: Tốt: 41 ; Khá : 42.

- Thi GVG cấp Phường có: 01 đồng chí đạt giải Nhì.

- Kết quả SKKN: có 05 đồng chí đạt SKKN cấp phường.

- Đánh giá theo TT 20/2018 về chuẩn nghề nghiệp: 14 Tốt; 20 Khá; 01 Đạt.

- Đánh giá theo TT 14/2018 về chuẩn cán bộ QL: 01 Tốt

- Đánh giá CCVC năm 2025: 07 đồng chí Hoàn thành Xuất sắc, 26 đồng chí Hoàn thành tốt, 01 đồng chí Hoàn thành.

- Chiến sĩ TĐCS: 05 đồng chí

- Lao động Tiên tiến: 26 đồng chí.

2. Tham gia và tổ chức các cuộc thi

- *Kết quả các cuộc thi cấp Phường:*

+ Đấu trường Vioedu (Tổng hợp): 04 Huy chương vàng; 06 Huy chương bạc; 19 Huy chương Đồng và 29 giải Khuyến khích.

+ Đấu trường Vioedu (Tiếng Anh): 03 Huy chương vàng; 01 Huy chương bạc; 06 Huy chương đồng và 07 giải Khuyến khích.

+ Trạng Nguyên Tiếng Việt cấp phường: 01 giải Nhất; 04 giải Nhì; 08 giải Ba và 10 giải Khuyến khích.

+ Thi Tài năng nhạc cụ cấp phường có 01 học sinh đạt top Ba

* *Kết quả thi TDTT cấp phường:*

+ Môn điền kinh (bật xa) nữ: 1 giải Nhất.

+ Môn điền kinh (bật xa) nam: 01 giải Ba

+ Môn cầu lông đơn nữ: 01 giải Nhì

+ Môn cầu lông đôi nam: 01 giải Nhì

+ Cầu lông đơn nam: 01 giải Nhất.

+ Môn cờ vua: 01 giải Ba

- *Kết quả các cuộc thi cấp Thành phố:*

+ Đấu trường Toán học Vioedu (Tổng hợp) cấp Thành phố: 02 Huy chương bạc; 05 Huy chương đồng; 16 giải Khuyến khích.

+ Đấu trường Toán học Vioedu (Tiếng Anh) cấp Thành phố: 02 Huy chương đồng và 03 giải Khuyến khích.

+ Trạng Nguyên Tiếng Việt cấp Thành phố: 02 giải Nhì; 03 giải Ba và 04 giải Khuyến khích.

+ Kỳ thi Violympic môn Toán: 01 giải Vàng ; 01 giải Bạc và 01 giải Đồng.

+ Kỳ thi Violympic môn Tiếng Việt: 02 giải Bạc và 01 giải Đồng.

+ Kỳ thi Violympic môn Toán Tiếng Anh: 02 giải Bạc.

+ Kỳ thi Violympic môn Lịch sử và Địa lý: 01 giải Vàng và 01 giải Bạc.

- Tham gia Đại hội TDTT Thủ đô lần thứ XI và đạt được thành tích như sau:

+ Môn võ Wushu: 1 Huy chương Vàng nội dung đồng đội; 01 Huy chương Đồng nội dung đồng đội và 01 Huy chương Đồng nội dung cá nhân.

- *Kết quả các cuộc thi cấp Quốc gia:*

+ Cuộc thi Sáng tác văn học Thiếu nhi “Cây bút tuổi hồng” do Báo Thiếu niên Tiền phong và Nhi Đồng tổ chức: 01 giải Nhì tập thể và 01 giải Khuyến khích cá nhân.

+ Tham gia cuộc thi Nhà Tài chính và Khởi nghiệp tuổi Teen: 02 giải Khuyến khích.

+ Kỳ thi Toán quốc tế TIMO: 01 Huy chương vàng; 04 Huy chương bạc; 02 Huy chương đồng.

+ Kỳ thi Toán Tiếng Anh Seamo: 01 giải Khuyến khích.

+ Kỳ thi Toán quốc tế Kangaroo: 05 Huy chương Đồng; 18 giải Khuyến khích và 01 giải Vô địch cấp trường.

+ Cuộc thi Viết chữ đẹp “Nét chữ, nét người” : 01 giải Hoàng Giáp và 01 giải Trạng nguyên đồng đội.

*** Đánh giá chung:**

- Trường đạt danh hiệu: Tập thể Lao động Tiên tiến và đề nghị cấp trên công nhận danh hiệu: Tập thể Lao động Xuất sắc.

- Chi bộ trường Tiểu học Kim Đồng được Ban thường vụ Đảng ủy phường Dương Nội tặng Giấy khen có thành tích tích cực tham gia Hội thi Báo cáo viên, Tuyên truyền viên giỏi phường Dương Nội năm 2026.

- Nhà trường được Báo Thiếu niên Tiền phong và Nhi đồng tặng giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong cuộc thi “Nhà Tài chính Khởi nghiệp tuổi Teen” năm học 2025 – 2026.

- Chi đoàn trường Tiểu học Kim Đồng được BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phường Dương Nội tặng Giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong Tháng Thanh niên năm 2026.

*** Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình,**

- Học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học: 203 em, đạt tỉ lệ 100%.

Trường Tiểu học Kim Đồng báo cáo công khai hoạt động giáo dục trong trường học cuối năm học 2025- 2026.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH phường (báo cáo);
- Website: <http://c1kimdong-hadong@hanoiedu.vn>;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

(kí và đóng dấu)



